Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

Tên Bên mời thầu: Bệnh viện K.

Tên gói thầu: Gói 15: 170 mặt hàng sinh phẩm, hóa chất, vật tư tương thích với máy nhuộm hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ tự động, 30 vị trí đặt slide

Tên dự toán mua sắm: Cung cấp sinh phẩm chẩn đoán in-vitro hóa chất và vật tư y tế lần 4 năm 2025 của Bệnh viện K

Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Nguồn vốn: Nguồn thu hoạt động sự nghiệp

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng

Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Địa điểm thực hiện: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế của 03 cơ sở Bệnh viện K: cơ sở Quán Sứ, cơ sở Tam Hiệp, cơ sở Tân Triều.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Vật tư phù hợp về chủng loại, đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được cấp phép lưu hành hoặc công bố (quốc gia và/hoặc quốc tế được công nhận), được kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng hóa theo quy định.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	**Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan**	**Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn**
1	Kháng thể đơn dòng (KTĐD) kháng CD15 (MMA) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD15 dòng MMA dạng pha sẵn cho 50 xét nghiệm. Mab: ~ 56 µg/ 5mL, Tris-HCL chứa protein vận chuyển và chất bảo quản
2	KTĐD kháng CD45 (LCA) (RP2/18) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD45, LCA dòng RP2/18 dạng pha sẵn . Mab: ~ 5.0 µg/ 5mL, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản
3	Kháng thể đa dòng kháng PSA (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) thỏ kháng Prostate Specific Antigen dạng pha sẵn: ~ 3.5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển, chất bảo quản.
4	KTĐD kháng CD43 (L60) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD43 dòng L60 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphate chứa protein vận chuyển, chất bảo quản.
5	KTĐD kháng Desmin (DE-R-11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Desmin dòng DE-R-11 dạng pha sẵn. Mab: ~ 25 µg/ 5mL, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
6	KTĐD kháng Chromogranin A (LK2H10) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Chromogranin A dòng LK2H10 dạng pha sẵn . Mab: ~ 5 µg/ 5mL, muối đệm phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản
7	Kháng thể đa dòng kháng S100 (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng thỏ kháng S100 dạng pha sẵn. Mab: ~ 50 µg/ 5mL, đệm phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
8	KTĐD kháng CD20 (L26) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD chuột kháng CD20 dòng L26 dạng pha sẵn. Mab: ~ 1.5 µg/ 5mL, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản
9	KTĐD kháng CK (Pan) (AE1/AE3 & PCK26) (pha sẵn)	Thành phần: Hỗn hợp KTĐD (Mab) chuột kháng Pan Keratin từ các dòng AE1, AE3 và dòng PCK26 dạng pha sẵn. Mab: ~ 231.5 µg/ 5mL, đệm phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
10	KTĐD kháng NSE (MRQ-55) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng NSE dòng MRQ-55, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1%, Sodium Azide < 0.1%.
11	Kháng thể đa dòng kháng TdT (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng thỏ kháng Terminal Deoxynucleotidyl Transferase dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
12	KTĐD kháng Thyroglobulin (2H11+6E1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Thyroglobulin dòng 2H11+6E1 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.
13	KTĐD kháng bcl-6 (GI191E/A8) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Bcl-6 dòng GI191E/A8 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.
14	KTĐD kháng CD21 (2G9) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD21 dòng 2G9 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.
15	KTĐD kháng CD138/syndecan-1 (B-A38) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD138 dòng B-A38 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.
16	KTĐD kháng CK 19 (A53-B/A2.26) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Cytokeratin 19 dòng A53-B/A2.26 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
17	KTĐD kháng PR (1E2) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Progesterone Receptor dòng 1E2 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
18	KTĐD kháng Vimentin (V9) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Vimentin dòng V9 dạng pha sẵn. Mab: ~ 12.5 µg/ 5mL, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
19	KTĐD kháng CD30 (Ber-H2) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD30 dòng Ber-H2 dạng pha sẵn. Mab: ~ 6 µg/5ml, đệm Tris, EDTA, Brij-35 và protein vận chuyển và 0.05% Sodium azide.
20	KTĐD kháng CD34 (QBEnd/10) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD34 dòng QBEnd/10 dạng pha sẵn. Mab: ~ 4 µg/ 5mL, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
21	KTĐD kháng CD68 (KP-1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD68 dòng KP-1 dạng pha sẵn. Mab: 2µg/ 5mL, đệm phosphat, protein vận chuyển và chất bảo quản.
22	KTĐD kháng Ki-67 (30-9) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Ki-67 dạng pha sẵn. Mab: ~ 10 µg/ 5mL, dung dịch đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
23	KTĐD kháng ER (SP1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Estrogen Receptor dòng SP1 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, Tris-HCl, protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
24	KTĐD kháng CD3 (2GV6) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD3 dòng 2GV6 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
25	KTĐD kháng CD23 (SP23) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD23 dòng SP23 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5 µg/ 5mL, 0.05 M Tris-HCL chứa 2% protein vận chuyển và chất bảo quản.
26	KTĐD kháng Keratin (34βE12) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Keratin dòng 34βE12 dạng pha sẵn. Mab: ~ 7 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
27	KTĐD kháng Melanosome (HMB45) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng HMB45 trên Melanosome dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5 µg/ 5mL, dung dịch chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
28	KTĐD kháng CK 20 (SP33) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CK20 dòng SP33 dạng pha sẵn. Mab: ~ 9.5 µg/ 5mL, muối đệm phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.
29	KTĐD kháng CD79a (SP18) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD79a dòng SP18 dạng pha sẵn. Mab: ~ 1.5 µg/ 5mL, đệm phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
30	KTĐD kháng p63 (4A4) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng P63 dòng 4A4 dạng pha sẵn. Mab: ~ 0.7 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
31	KTĐD kháng CD99 (O13) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD99 dòng O13 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5 µg/ 5mL, muối đệm phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.
32	KTĐD kháng CD5 (SP19) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD5 dòng SP19 dạng pha sẵn. Mab: ~ 4µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
33	KTĐD kháng Mesothelial Cell (HBME-1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Mesothelial dòng HBME-1 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
34	KTĐD kháng bcl-2 (124) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Bcl-2 dòng 124 dạng pha sẵn. Mab: ~ 85µg/ 5mL, 0.05 M Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
35	KTĐD kháng CK 5/6 (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Cytokeratin 5/6 dòng D5/16B4 dạng pha sẵn. Mab: ~ 52 µg/ 5mL, đệm Phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
36	KTĐD kháng EMA (E29) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Epithelial Membrane Antigen dòng E29 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
37	KTĐD kháng CD1a (EP3622) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD1a dòng EP3622 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
38	KTĐD kháng CK 17 (SP95) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Cytokeratin 17 dòng SP95 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5.5 µg/ 5mL, đệm Tris HCL và chất bảo quản.
39	KTĐD kháng HER2/ neu (4B5) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Her2/neu dòng 4B5 dạng pha sẵn. Mab: ~ 30 µg/ 5mL, muối đệm 0.05 M Tris, EDTA 0.01M, protein vận chuyển và chất bảo quản. Trong dung dịch gốc có ~ 0.25% vết huyết thanh bào thai bê.
40	KTĐD kháng CD4 (SP35) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD4 dòng SP35 dạng pha sẵn. Mab: ~ 12.5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
41	KTĐD kháng CD10 (SP67) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD10 dòng SP67 dạng pha sẵn. Mab: ~ 24.5 µg/ 5mL, đệm Phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
42	KTĐD kháng CD31 (JC70) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD31 dòng JC70 dạng pha sẵn / 5mL, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% chất bảo quản.
43	KTĐD kháng CD57 (NK-1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD57 dòng NK-1 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
44	KTĐD kháng CEA (CEA31) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CEA dòng CEA31 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
45	KTĐD kháng CK 7 (SP52) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Cytokeratin 7 dòng SP52 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
46	KTĐD kháng Synaptophysin (SP11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Synaptophysin dòng SP11 dạng pha sẵn. Mab: ~ 0.3 µg/ 5mL, đệm Phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
47	KTĐD kháng ER (SP1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng ER dòng SP1 dạng pha sẵn cho 250 xét nghiệm. Mab: ~ 25 µg/ 25mL, dung dịch Tris-HCl chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
48	KTĐD kháng PR (1E2); (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng PR dòng 1E2 dạng pha sẵn cho 250 xét nghiệm. Mab: ~ 25 µg/ 25mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản, trong dung dịch gốc có ~0.2% vết huyết thanh bào thai bê.
49	KTĐD kháng CD2 (MRQ-11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD2 dòng MRQ-11 dạng pha sẵn , đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
50	KTĐD kháng CD7 (SP94) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD7 dòng SP94 dạng pha sẵn. Mab: ~ 10.5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
51	KTĐD kháng CD38 (SP149) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD38 dòng SP149 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
52	KTĐD kháng c-Myc (Y69) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng c-Myc dòng Y69 dạng pha sẵn. Mab: ~ 120 µg/ 5mL, đệm TBS chứa protein vận chuyển.
53	KTĐD kháng Cyclin D1 (SP4-R) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Cyclin D1 dòng SP4-R dạng pha sẵn. Mab: ~ 0.5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
54	KTĐD kháng TTF-1 (SP141) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Thyroid Transcription Factor-1 dòng SP141 dạng pha sẵn. Mab: ~ 28.5 µg/ 5mL, đệm Tris, pH 7.5 với protein vận chuyển, chất tẩy không ion hóa và chất bảo quản.
55	KTĐD kháng WT1 (6F-H2) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng WT1 dòng 6F-H2 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
56	KTĐD kháng p16 dòng Cintec (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CINtec p16 Histology dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, 0.05 M Tris-HCL chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
57	KTĐD kháng p16 dòng Cintec; (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CINtec p16 Histology dạng pha sẵn cho 250 xét nghiệm. Mab: ~ 25 µg/ 25mL, 0.05 M Tris-HCL chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
58	KTĐD kháng p53 (Bp53-11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD chuột kháng p53 dòng Bp53-11 dạng pha sẵn. Mab: ~12.5 µg/ 5mL, đệm muối phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
59	KTĐD kháng CA-125 (OC125) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CA-125 dòng OC125 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và < 0.1% Sodium Azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
60	KTĐD kháng PLAP (NB10) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Placental Alkaline Phosphatase dòng NB10 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
61	KTĐD kháng Caldesmon (E89) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Caldesmon dòng E89 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
62	KTĐD kháng MART-1/melan A (A103) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng MART-1/melan A dòng A103 dạng pha sẵn. Mab: ~ 17 µg/ 5mL, 0.05 M Tris-HCL chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
63	KTĐD kháng DOG-1 (SP31) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Dog-1 dòng SP31 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
64	KTĐD kháng PAX-5 (SP34) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng PAX-5 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
65	KTĐD kháng PAX-8 (MRQ-50) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng PAX-8 dòng MRQ-50 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
66	KTĐD kháng Oct-4 (MRQ-10) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Oct-4 dòng MRQ-10 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
67	KTĐD kháng p40 (BC28) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng p40 dòng BC28 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.
68	KTĐD kháng Napsin A (MRQ-60) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Napsin A dòng MRQ-60 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
69	KTĐD kháng GCDFP-15 (EP1582Y) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng GCDFP-15 dòng EP1582Y dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
70	Nhãn in mã vạch	Dùng để in nhãn cho xét nghiệm
71	Mực in mã vạch	1 cuộn ruy băng mực in đủ in 8100 nhãn.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
72	Dung dịch đệm làm chuyển màu Hematoxylin sang xanh - HMMD; (pha sẵn)	Thành phần: 0.1 M lithium carbonate và 0.5 M sodium carbonate/ 25 mL.
73	Dung dịch loại nến cô đặc 10 lần	Thành phần: Chứa khoảng 30% dung dịch chất tẩy và một chất bảo quản.
74	Dung dịch đệm test cô đặc (10X)	Thành phần: dung dịch đệm Tris, và một chất bảo quản.
75	Thuốc nhuộm Hematoxylin (pha sẵn)	Thành phần: Hematoxylin II (≤ 60%); chứa glycol và acid acetic ổn định dung dịch.
76	Bộ phát hiện màu nâu HMMD	Thành phần: Hydrogen peroxide 3%, kháng thể đánh dấu HRP, đồng sulfate (5g/L) trong đệm acetate và chất bảo quản.
77	Bộ phát hiện màu đỏ HMMD	Thành phần: kháng thể đánh dấu Alkaline Phosphatase (AP) (khoảng 50µg/mL) và một số chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
78	Dung dịch đệm lai phân tử cho xét nghiệm lai Her2 (pha sẵn)	Thành phần: đệm khoảng 55% formamide.
79	Dung dịch SSC cô đặc 10 lần	Thành phần: Sodium chloride, Sodium citrate và chất bảo quản.
80	Dung dịch rửa bạc II	Thành phần: đệm Citrate < 0.5 M, và chất bảo quản.
81	Enzyme khử màng 3 dùng cho lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: chứa alkaline protease hoạt độ khoảng 0.24 casein U/mL trong dung dịch đệm Tris ổn định enzyme
82	Tiêu bản chứng Her2 loại 3 trong 1	Thành phần: chứa ba dòng tế bào ung thư biểu mô người khác nhau được cố định trong formalin, vùi trong paraffin, mỗi tiêu bản một trạng thái gen HER2 khác nhau, được tạo ra như ở khối u (ghép ngoại lai) trong chuột SCID.
83	Bộ kít phát hiện tạo màu nâu theo cơ chế gắn HQ (Hapten)	Thành phần: dung dịch hydrogen peroxide 3.0%; KTĐD từ chuột kháng HQ được đánh dấu với HRP (<40 µg/mL); 0.04% hydrogen peroxide trong dung dịch đệm phosphate.
84	Bộ khuếch đại tín hiệu cho bộ phát hiện HMMD màu nâu	Thành phần: Tyramide gắn chất kết nối mang HQ (<40 µg/mL); kháng thể chuột kháng HQ: HRP (<10 µg/mL); H2O2 0.04%.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
85	KTĐD kháng ALK (D5F3) dùng với điều trị đích (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng ALK dòng D5F3 dạng pha sẵn. Mab: ~ 70 µg/ 5 mL, trong PBS 0.08 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
86	Bộ mẫu dò EBER RNA - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: khoảng 750 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, đệm formamide.
87	Bộ phát hiện tín hiệu lai phân tử màu xanh	Thành phần: Kháng thể chuột đơn dòng kháng fluorescein; đệm muối phosphate; Streptavidin Alkaline Phosphatase trong; MgCl2; 5-bromo-4-chloro-3-indolyl phosphate.
88	Tiêu bản chứng dương EBER	Thành phần: Hai hạt tế bào (một âm tính và một dương tính), các hạt tế bào đã được cố định bằng formalin
89	Hóa chất nhuộm tương phản - lai phân tử	Thành phần: dung dịch nuclear fast red và chất bảo quản, pha sẵn.
90	KTĐD kháng Actin, Smooth Muscle (1A4) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Actin, Smooth Muscle dòng 1A4 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1%, và <0.1% Sodium Azide.
91	KTĐD kháng Actin, Muscle Specific (HHF35) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Actin, Muscle Specific dòng HHF35 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
92	KTĐD kháng Androgen Receptor (SP107) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Androgen Receptor dòng SP107 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
93	KTĐD kháng S100 (4C4.9) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng S100 dòng 4C4.9 dạng pha sẵn. Mab: ~ 50 µg/ 5 mL, muối đệm Phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.
94	KTĐD kháng CDX-2 (EPR2764Y) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CDX-2 dòng EPR2764Y dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
95	KTĐD kháng c-MET (Total) (SP44) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng c-MET dòng SP44 dạng pha sẵn. Mab: ~ 48.75 µg/ 5 mL, trong Tris-HCl 0.05 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
96	KTĐD kháng GFAP (EP672Y) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Glial Fibrillary Acidic Protein (GFAP) dòng EP672Y dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
97	KTĐD kháng chứng âm (Rabbit Ig) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ Negative Control Rabbit Monoclonal Ig dạng pha sẵn. Mab: ~ 250 µg/ 25 mL, PBS, protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
98	KTĐD kháng PD-L1 (SP263) dùng với điều trị miễn dịch (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng PD-L1 dòng SP263. Mab: ~ 8.05 µg/ 5 mL, trong đệm Tris-HCI 0.05 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
99	KTĐD kháng Beta-Catenin (14) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Beta-catenin dòng 14 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
100	Kháng thể đa dòng kháng ACTH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng ACTH dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
101	KTĐD kháng PD-1 (NAT105) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Programmed Death-1 dòng NAT-105 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
102	KTĐD kháng SOX-10 (SP267) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng SOX-10 dòng SP267 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
103	KTĐD kháng SOX-11 (MRQ-58) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng SOX-11 dòng MRQ-58 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
104	KTĐD kháng PMS2 (A16-4) dùng cùng các kháng thể khác để phát hiện protein sửa lỗi bắt cặp sai (MMR) để sàng lọc hội chứng Lynch trong ung thư đại trực tràng (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng PMS2 dòng A16-4 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5 mL, trong PBS 0.08 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản
105	KTĐD kháng Olig2 (EP112) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Olig2 dòng EP112 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
106	Kháng thể đa dòng kháng GH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Growth Hormone dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
107	Kháng thể đa dòng kháng Prolactin (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Prolactin dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
108	Kháng thể đa dòng kháng TSH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Thyroid Stimulating Hormone dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
109	Kháng thể đa dòng kháng LH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Luteinizing Hormone dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
110	Kháng thể đa dòng kháng FSH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ. Đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
111	KTĐD kháng Neurofilament (2F11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Neurofilament dòng 2F11 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
112	KTĐD kháng Calcitonin (SP17) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Calcitonin dòng SP17 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
113	Bộ mẫu dò chứng âm lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: Một ống thuốc thử chứa khoảng 250 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, được pha với trong dung dịch đệm formamide cho lai hóa
114	Bộ mẫu dò chứng dương RNA - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: Một ống thuốc thử chứa khoảng 250 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, được pha với trong dung dịch đệm formamide cho lai hóa
115	Dung dịch dầu khoáng nhẹ phủ tiêu bản (pha sẵn)	Thành phần: chứa một hydrocarbon no, tỷ trọng thấp và dầu khoáng

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
116	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên dùng trong xét nghiệm lai tại chỗ (pha sẵn)	Thành phần: đệm citrate với chất bảo quản, ở dạng pha sẵn.
117	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên dùng trong xét nghiệm HMMD (pha sẵn)	Thành phần: chứa dung dịch đệm Tris, và một chất bảo quản
118	Bộ mẫu dò Kappa - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần chứa khoảng 550 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, được pha với trong dung dịch đệm formamide cho lai hóa
119	Bộ mẫu dò Lambda - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: chứa khoảng 550 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, được pha với trong dung dịch đệm formamide cho lai hóa.
120	Tiêu bản chứng dương Kappa - lai phân tử	Thành phần: chứa một phần mô amiđan bình thường được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin.
121	Tiêu bản chứng dương Lambda - lai phân tử	Thành phần: chứa một phần mô amiđan bình thường được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
122	KTĐD kháng MLH1 (M1) dùng cùng các kháng thể khác để phát hiện protein sửa lỗi bắt cặp sai (MMR) để sàng lọc hội chứng Lynch trong ung thư đại trực tràng (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng MLH1 dòng M1 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5 mL, trong đệm TBS chứa protein vận chuyển.
123	KTĐD kháng MSH2 (G219-1129) dùng cùng các kháng thể khác để phát hiện protetin sửa lỗi bắt cặp sai- để sàng lọc hội chứng Lynch trong ung thư đại trực tràng (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng MSH2 dòng G219-1129 dạng pha sẵn. Mab: ~ 100 µg/ 5 mL, trong đệm Phosphate có chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
124	KTĐD kháng MSH6 (SP93) dùng cùng các kháng thể khác để phát hiện protein sửa lỗi bắt cặp sai - sàng lọc hội chứng Lynch trong UTĐTT (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng MSH6 dòng SP93 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5 mL, trong Tris-HCI 0.05 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
125	KTĐD kháng BRAF V600E (VE1) dùng cùng các kháng thể khác trong bộ MMR để sàng lọc hội chứng Lynch trong ung thư đại trực tràng trong trường hợp thiếu hụt protein MLH1 (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng BRAF V600E dòng VE1 dạng pha sẵn. Mab: ~ 60 µg/ 5 mL, trong đệm Phosphate (pH 7.3), protein vận chuyển và chất bảo quản.
126	Kháng thể đa dòng kháng AFP (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Alpha-Fetoprotein dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
127	KTĐD kháng Arginase-1 (SP156) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Arginase-1 dòng SP156 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
128	KTĐD kháng CA 19-9 (121SLE) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CA 19-9 dòng 121SLE dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
129	KTĐD kháng Calretinin (SP65) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Calretinin dòng SP65 dạng pha sẵn. Mab: ~ 30µg/ 5 mL, trong đệm muối chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
130	KTĐD kháng CD163 (MRQ-26) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD163 dòng MRQ-26 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
131	KTĐD kháng CD33 (SP266) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD33 dòng SP266 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
132	KTĐD kháng Podoplanin (D2-40) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Podoplanin dòng D2-40 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
133	KTĐD kháng E-cadherin (36) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng E-cadherin dòng 36 dạng pha sẵn. Mab: ~ 1.5µg/ 5 mL, trong đệm Phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
134	KTĐD kháng ERG (EPR3864) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng ERG dòng EPR3864 dạng pha sẵn. Mab: ~ 115 µg/ 5 mL, trong đệm TBS chứa protein vận chuyển.
135	KTĐD kháng GATA3 (L50-823) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng GATA3 dòng L50-823 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
136	KTĐD kháng Glypican-3 (1G12) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Glypican-3 dòng 1G12 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
137	Kháng thể đa dòng kháng hCG (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng hCG (Human Chorionic Gonadotropin) dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
138	KTĐD kháng HSA (OCH1E5) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Hepatocyte Specific Antigen (HSA) dòng OCH1E5 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
139	KTĐD kháng INI-1 (MRQ-27) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng INI-1 dòng MRQ-27 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
140	Kháng thể đa dòng kháng Lysozyme (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Lysozyme dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
141	KTĐD kháng Mammaglobin (31A5) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Mammaglobin dòng 31A5 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
142	KTĐD kháng MUC5AC (MRQ-19) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng MUC5AC dòng MRQ-19 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
143	KTĐD kháng MyoD1 (EP212) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng MyoD1 dòng EP212 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
144	KTĐD kháng Myogenin (F5D) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Myogenin dòng F5D dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
145	KTĐD kháng Myosin, Smooth Muscle (SMMS-1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Myosin, Smooth Muscle dòng SMMS-1 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
146	KTĐD kháng PSAP (PASE/4LJ) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng PASP dòng PASE/4LJ dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
147	KTĐD kháng PTEN (SP218) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng PTEN dòng SP218 dạng pha sẵn. Mab: ~ 15µg/ 5 mL, đệm Tris, EDTA, protein vận chuyển và chất bảo quản.
148	KTĐD kháng RCC (PN-15) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Renal Cell Carcinoma dòng PN-15 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
149	KTĐD kháng SALL4 (6E3) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng SALL4 dòng 6E3 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.
150	KTĐD kháng ALK1 (ALK01) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng ALK1 dòng ALK01 dạng pha sẵn. Mab: ~ 25 µg, trong đệm phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
151	KTĐD kháng Glypican-3 (GC33) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột, muối đệm phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.
152	KTĐD kháng MUC6 (MRQ-20) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột, pha loãng trong dung dịch đệm Tris, pH 7,3 - 7,7, với 1% BSA và <0,1% Sodium azide.
153	Bộ mẫu dò kép HER2 - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: 14 µg/mL các đoạn dò HER2 đánh dấu với dinitrophenyl (DNP) và 0.24 µg/mL các đoạn dò Nhiễm sắc thể số 17 đánh dấu với digoxigenin (DIG) trong dung dịch đệm lai hóa gốc formamide
154	Bộ phát hiện tín hiệu đỏ DIG - lai phân tử	Thành phần: ~7,5 µg/mL kháng thể kháng DIG đánh dấu hapten; ~10 µg/mL enzyme alkaline phosphatase (AP) kháng NP; <3% MgCl2; <8 g/L naphthol; <3 g/L muối Fast Red KL.
155	Bộ phát hiện tín hiệu bạc DNP - lai phân tử	Thành phần: ~12,5 µg/mL kháng thể kháng DNP đánh dấu hapten; ~25 µg/mL enzyme gắn horseradish peroxidase (HRP); <1% CH3COOAg; <1% C6H6O2; <0,2% H2O2.
156	Khuyếch đại tín hiệu của bộ tạo màu nâu	Thành phần: Tyramide chứa HQ (<40 µg/mL); Kháng thể kháng HQ: HRP (<10 µg/mL); 0.04% H2O2.
157	Kháng thể đơn dòng anti-CD117 (EP10)	Thành phần: khoảng 0,5 µg kháng thể đơn dòng của thỏ; EDTA; protein và 0,05% Sodium azide, một chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
158	Kháng thể đơn dòng MUC2 (MRQ-18)	Thành phần: Đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.
159	KTĐD kháng ROS1 (SP384) trong mô	Thành phần: 1µg KTĐD từ thỏ, Tris-HCl, protein vận chuyển và chất bảo quản.
160	KTĐD phát hiện bằng hóa mô miễn dịch vùng đầu C của thụ thể tropomyosin kinase (TRK) các protein A, B và C	Thành phần: chứa khoảng 140µg kháng thể đơn dòng từ thỏ, muối đệm Tris, EDTA, protein vận chuyển và chất bảo quản.
161	KTĐD kháng TotalcMET (SP44)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng c-MET dòng SP44 dạng pha sẵn. Mab: ~ 48.75 µg/ 5 mL, trong Tris-HCl 0.05 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.
162	KTĐD kháng Uroplakin III (SP73)	Thành phần: Đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.
163	KTĐD kháng Cytokeratin (CAM 5.2) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Cytokeratin dòng CAM 5.2 dạng pha sẵn. Mab: ~ 55 µg/ 5mL, kháng thể được pha loãng trong Tris-HCl có chứa protein vận chuyển và một chất bảo quản.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
164	KTĐD kháng CD56 (MRQ-42) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD56 dòng MRQ-42 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
165	KTĐD kháng CD45 (LCA) (2B11 & PD7/26) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD45 (LCA) dòng 2B11 & PD7/26 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
166	KTĐD kháng MUM1 (EP190) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng MUM1 dòng EP190 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.
167	Thuốc thử xét nghiệm NKX3.1 (EP356)	Thành phần: Đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.
168	KTĐD kháng CD8 (SP239) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD8 dòng SP239 dạng pha sẵn. Mab: ~ 51,0 µg/5mL, đệm phosphate, protein vận chuyển, chất bảo quản.
169	Tiêu bản tích điện dương	Lam kính đặt vật dùng để nhuộm hematoxylin và eosin (HE) và nhuộm hóa mô miễn dịch cho các lát cắt mô cố định bằng formalin và vùi trong paraffin. Kích thước phần kính mờ của sản phẩm là 20 mm.
170	Thuốc thử xét nghiệm Granzyme B	Thành phần: Kháng thể được pha loãng trong đệm Tris, pH 7.3-7.7, với 1% BSA và <0.1% Natri Azide. Vật chủ: thỏ

Thông số kỹ thuật chi tiết và các tiêu chuẩn chi tiết (khi cần thiết).

[Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật]

BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT dự thầu	Tên hàng hóa	Mã vật tư y tế	Tên thương mại	Số tham chiếu (reference number/ REF)	Số đăng ký	Chủ sở hữu	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Tuổi thọ (tháng)	Phân loại	Giá niêm yết/ Giá kê khai	Mã HS	Tên nhà thầu	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	VAT (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1																		
2																		
….																		
n																		
Tổng cộng: *n* khoản																		

Đại diện nhà thầu
(ký tên. đóng dấu)

Ghi chú:

- Các cột (2). (11). (12) nhà thầu ghi chính xác theo "Danh mục mời thầu" không được sửa chữa.
- Cột (3): Mã vật tư y tế theo quy định tại Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 của Bộ Y tế (nếu có).
- Cột (4): Tên thương mại ghi đúng tên trên nhãn hàng hóa.
- Cột (5): Nếu có nhiều số tham chiếu do các cỡ khác nhau thì ghi đủ các mã này.
- Cột (6): Số đăng ký ghi: Số Giấy phép lưu hành sản phẩm/Số Giấy phép nhập khẩu/ Số Công bố tiêu chuẩn/ Trong trường hợp hàng hóa không phải yêu cầu có số đăng ký thì bỏ trống.
- Cột (8): Ghi tên của Nhà sản xuất chịu trách nhiệm sản xuất (*Physical manufacturer*). Nếu trên nhãn hàng hóa chỉ ghi tên Nhà sản xuất chịu trách nhiệm pháp lý (*Legal manufacturer*). thì ghi rõ: A [nước sản xuất] cho B [nước sản xuất]; A = Nhà sản xuất chịu trách nhiệm sản xuất. B = Nhà sản xuất chịu trách nhiệm pháp lý.
- Cột (9): Nước sản xuất: Căn cứ theo địa chỉ nhà máy ghi trong chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc ISO 9001:2015
- Cột (13): Ghi theo tháng tính từ ngày sản xuất đến ngày hết hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm. Trong trường hợp hàng hóa không áp dụng ghi hạn dùng (*ví dụ: Dụng cụ kim loại*) thì ghi: Vô hạn

- Cột (14): Thiết bị y tế phân loại theo: A. B. C. D. Căn cứ theo: Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Quản lý Thiết bị y tế. Các hóa chất căn cứ phân loại theo Quy định của Pháp luật hiện hành.
- Cột (16): Mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) của mã hàng hóa (HS-Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành. Mã HS căn cứ theo Thông tư số 19/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ Y Tế, Thông tư số 31/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: https://www.customs.gov.vn) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.
- Cột (18) (19): Các mặt hàng áp dụng thuế suất VAT 10% và là đối tượng điều chỉnh thuế theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ thì nhà thầu chào mức thuế suất VAT là 10%.

1.3. Các yêu cầu khác

Cam kết của nhà thầu theo mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CAM KẾT

Kính gửi: BỆNH VIỆN K

(Tên nhà thầu).....xin cam kết về Hồ sơ dự thầu Cung cấp hàng hoá trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: cung cấp sinh phẩm chẩn đoán in-vitro hóa chất và vật tư y tế lần 4 năm 2025 của Bệnh viện K theo các nội dung sau:

1. Nội dung của Hồ sơ dự thầu trong bản gốc và bản up lên hệ thống là hoàn toàn giống nhau, nếu có sai sót làm ảnh hưởng đến kết quả trúng thầu và các vấn đề khác gây hậu quả, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

2. Thông tin trong hồ sơ dự thầu là chính xác.

3. Tất cả các mặt hàng tham dự thầu đều đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, hoặc đúng với giấy phép lưu hành /công bố tiêu chuẩn.

4. Tất cả các mặt hàng tham dự thầu đều có đủ giấy tờ xác nhận về xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, nước sản xuất, địa chỉ gửi hàng tới Việt Nam, giấy phép lưu hành (nếu có) tại Việt Nam còn hiệu lực.

5. Giá dự thầu không cao hơn giá kê khai/ kê khai lại (nếu có).

6. Giá dự thầu không cao hơn giá cung cấp cho các bệnh viện khác cùng thời điểm.

7. Nhà thầu cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước và chịu trách nhiệm về nội dung này. Nếu bị phát hiện không trung thực thì E-HSDT hoặc kết quả đấu thầu sẽ bị loại bỏ.

8. Với liên danh, các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh.

9. Với nhà thầu liên danh, nhà thầu cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền đảm bảo dự thầu khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong E-HSMT."

10. Về cung ứng sinh phẩm chẩn đoán in-vitro, hoá chất, vật tư:

a. Cung ứng hàng hoá kịp thời, chính xác, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng như yêu cầu của E-HSMT.

b. Cung ứng hàng hoá đúng với các thông số đã kê khai ở Biểu mẫu dự thầu theo mẫu tại khoản b – "Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể", Điều 1.2, Mục 1, Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật.

c. Trong trường hợp công ty không có hàng hoá cung ứng hoặc cung ứng hàng hoá không đúng với các thông số như cam kết ở các mục trên, công ty sẽ có công văn giải trình và xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt Tài chính theo yêu cầu, quy định của Bệnh viện.

d. Đối với một số hàng hoá: Hạn sử dụng không đáp ứng được điều kiện trong E-HSMT, nếu Bệnh viện vẫn có nhu cầu, công ty cam kết sẽ cung ứng hàng hoá đó cho Bệnh viện với hạn sử dụng dài nhất mà công ty có tại thời điểm giao hàng và công ty sẽ có công văn giải trình, chấp nhận thực hiện theo yêu cầu của Bệnh viện.

e. Hàng hóa được giao phải đủ số lượng, đúng các thông tin tiêu chuẩn như đã công bố trong E-HSDT và theo từng đơn đặt hàng của bệnh viện, thời gian ≤ 72 giờ kể từ nhà thầu nhận được đơn hàng qua e-mail, fax hoặc điện thoại. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: hàng hóa được giao tại Phòng Vật tư - Thiết bị y tế của 03 cơ sở Bệnh viện K: cơ sở Quán Sứ, cơ sở Tam Hiệp, cơ sở Tân Triều. Hàng hóa phải được vận chuyển theo đúng điều kiện bảo quản của nhà sản xuất, đảm bảo an toàn, phòng tránh cháy nổ, đổ vỡ, hư hỏng

f. Hàng hóa được kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động đến môi trường hoặc có ảnh hưởng tác động đến môi trường nhưng có đề xuất biện pháp giải quyết

g. Nhà thầu trúng thầu vật tư, hóa chất có trách nhiệm cung cấp, lắp đặt trang thiết bị y tế để sử dụng vật tư, hóa chất theo yêu cầu của chủ đầu tư đảm bảo sử dụng tương thích với các sinh phẩm chẩn đoán invitro, hoá chất xét nghiệm, hóa chất khử khuẩn và vật tư y tế đã trúng thầu.

Hà Nội. ngày …… tháng …… năm 2025

Đại diện nhà thầu

Mục 2. Bản vẽ

Không yêu cầu

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Trong một số trường hợp, trước khi phê duyệt kết quả trúng thầu, chủ đầu tư có quyền kiểm tra việc đáp ứng/không đáp ứng về khả năng tương thích với máy móc hoặc khả năng cung ứng của nhà thầu bằng các giấy tờ cần thiết.